

Câu 1: Theo luật bảo vệ hệ thống thông tin, có bao nhiêu cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 2: Thuê bao Internet với đường truyền là 16 Mbps có thể download tối đa được bao nhiêu MBps?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 3: Độ phân giải màn hình HD có kích thước bao nhiêu điểm ảnh?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 4: Độ phân giải màn hình Full HD có kích thước bao nhiêu điểm ảnh?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 5: Internet hiện nay phát triển ngày càng nhanh; theo bạn, thời điểm Việt Nam chính thức gia nhập Internet là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 6: Các hệ điều hành thông dụng hiện nay thường được lưu trữ ở:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 7: Các thiết bị nào sau đây là thiết bị xuất của máy tính:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 8: Chọn phát biểu đúng khi nói về ROM

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 9: Trong mạng máy tính, thuật ngữ LAN có ý nghĩa:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 10: Trong máy tính RAM có ý nghĩa là gì:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 11: Chọn phát biểu đúng khi nói về RAM

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 12: Sau một thời gian sử dụng máy tính, bạn cảm thấy máy tính chạy chậm hơn nhiều, đặc biệt khi mở nhiều chương trình ứng dụng cùng một lúc. Nguyên nhân nào dưới đây có khả năng cao nhất.

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 13: Đa số các thiết bị có màn hình cảm ứng ngày nay sử dụng loại cảm ứng gì?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 14: Thiết bị nào sau đây có tốc độ truy cập nhanh nhất

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 15: Trong các thiết bị sau, thiết bị nào có thời gian truy xuất dữ liệu chậm nhất

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 16: Khi kết nối thành một mạng máy tính cục bộ và các thiết bị, theo bạn thiết bị nào sau đây có thể được chia sẻ để sử dụng chung

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 17: Trong mạng máy tính, thuật ngữ Share có ý nghĩa gì

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 18: Phần mềm nào sau đây là phần mềm hệ thống

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 19: Khi sử dụng trình duyệt web để tải lại trang web hiện tại, ta dùng nút:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 20: Máy tính tất cả trong một All In One (AIO) thuộc loại nào sau đây

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 21: Các thiết bị xuất của máy tính, chọn câu SAI:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 22: Chương trình nào sau đây cho phép gõ tiếng Việt

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 23: Thiết bị nào sau đây dùng để lưu trữ dữ liệu trên bề mặt các tấm đĩa hình tròn phủ vật liệu từ tính?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 24: Các thư đang soạn dở dang trong thư điện tử được gọi là thư nháp. Các thư này sẽ được lưu trong

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 25: Ở Việt Nam, cơ quan được chính phủ giao làm IAP là

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 26: Giao thức được sử dụng trên dịch vụ www là

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 27: Khi sử dụng trình duyệt web để dừng việc tải trang web hiện tại, ta dùng nút

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 28: Thao tác nào sau đây không thể xóa một biểu tượng trên desktop

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 29: Hãy chọn ra tên thiết bị mạng

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 30: Đây là một phần mềm thư điện tử

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 31: Khi làm việc trong mạng cục bộ, muốn xem tài nguyên trên mạng ta nháy đúp chuột chọn biểu tượng

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 32: Trong chương trình máy tính Calculator, để có thể tính sin, cos, x lũy thừa y ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 33: Internet Explorer là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 34: IAP là viết tắt của cụm từ nào sau đây?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 35: Dịch vụ IM là viết tắt của:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 36: Yếu tố nào sau đây không phải là lợi ích của dịch vụ nhắn tin tức thời IM là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 37: CPU là viết tắt của:

letter. text  
letter. text

letter. text  
letter. text

Câu 38: URL là từ viết tắt của:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 39: ISP là viết tắt của cụm từ nào sau đây?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 40: Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản được viết tắt là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 41: www trong một địa chỉ web là viết tắt của:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 42: Tiêu đề của một thư điện tử được bắt đầu bằng "RE" có nghĩa là

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 43: Tiêu đề của một thư điện tử được bắt đầu bằng "FW" có nghĩa là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 44: SQRT là hàm dùng để:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 45: Tên miền một trang thông tin điện tử www.abc.gov.vn. Ký hiệu "gov" cho biết trang thông tin điện tử đó thuộc:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 46: Tên miền một trang thông tin điện tử www.abc.edu.vn. Ký hiệu "edu" cho biết trang thông tin điện tử đó thuộc:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 47: Website nào sau đây không phải là một webmail

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 48: Cấu trúc cơ bản phần cứng của máy tính gồm:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 49: Khi soạn thảo thư điện tử, muốn gửi kèm một tập tin nén đang có trên đĩa cứng của máy:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 50: Khi chỉ chuột tại viền hay góc của một cửa sổ, thao tác Drag and Drop sẽ cho phép:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 51: Bạn hãy cho biết nguyên nhân gây chai pin (lithium) trên smartphone hoặc laptop là gì?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 52: Thành phần nào sau đây không phải là thành phần của một cửa sổ:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 53: Khi xóa một hoặc nhiều thư điện tử trong hộp thư đến

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 54: Thành phần nào sau đây không phải là thành phần của màn hình làm việc (desktop) của một máy tính sử dụng hệ điều hành Windows?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 55: Bệnh nào sau đây không phải do sử dụng máy tính?

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 56: Trong các loại máy tính sau, máy tính nào thường đắt nhất?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 57: Đơn vị nhỏ nhất để đo thông tin là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 58: Các thiết bị nào sau đây là thiết bị lưu trữ thông tin của máy tính:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 59: Loại máy in nào sau đây không phải là máy in văn phòng?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 60: Font Times New Roman, Arial hay Tahoma thuộc bảng mã:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 61: Để soạn thảo một thư điện tử mới, ta chọn nút:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 62: Để trả lời thư cho người gửi, bạn sử dụng nút nào?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 63: Để gán thuộc tính ẩn cho tập tin ta chọn thuộc tính

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 64: Để đồng gửi không hiển thị một thư điện tử cho nhiều người, ta nhập các địa chỉ người nhận khác vào trường:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 65: Để đồng gửi một thư điện tử cho nhiều người, ta nhập các địa chỉ người nhận khác vào trường

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 66: Để chuyển tiếp một thư điện tử, ta sử dụng nút:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 67: Để bảo vệ máy tính tránh sự tắt nguồn đột ngột và cung cấp điện cho máy tính đủ thời gian thực hiện lệnh shutdown và tắt máy đúng cách, ta dùng thiết bị nào sau đây?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 68: Để đưa một đối tượng vẽ xuống lớp trên, ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 69: Để tìm kiếm theo tên tập tin và thư mục trong Windows Explorer, ký tự "?" ta nhập vào nội dung tìm kiếm có tác dụng:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 70: Để tìm các tập tin có phần mở rộng là docx và tên có 3 ký tự, trong đó có ký tự thứ 2 là a, ta go điều kiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 71: Trang web nào sau đây không phải là một bộ tìm kiếm (search engine):

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 72: Các thuật ngữ dưới đây, thuật ngữ nào không chỉ dịch vụ Internet:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 73: Cho biết tên nào sau đây không phải là tên một trình duyệt web?

letter. text  
letter. text  
letter. text



letter. text

Câu 74: Phần mềm nào sau đây là phần mềm chat:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 75: Chọn thứ tự từ nhỏ đến lớn của đơn vị đo thông tin:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 76: Bạn có một tài khoản tại địa chỉ website "www.yourbank.com" do ngân hàng cung cấp, khi nhận được một email yêu cầu đăng nhập vào tài khoản theo đường dẫn được gửi kèm thì đường dẫn nào sau đây có nguy cơ là hình thức lừa đảo (phishing):

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 77: Con số 20GB trong hệ thống máy tính có nghĩa là?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 78: Nếu ta có một đĩa DVD-R có chứa một tập tin văn bản và máy tính có gắn một đầu đọc đĩa CD-R thì:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 79: Nếu ta có một đĩa CD-RW có chứa một tập tin văn bản và máy tính có gắn một đầu đọc đĩa DVD-R thì:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 80: Nếu ta có một đĩa CD-RW có một tập tin văn bản và máy tính có gắn một đầu đọc đĩa DVD- RW thì:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 81: Nếu kết nối Internet của bạn chậm bất thường, theo bạn nguyên nhân chính là

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 82: Nút BACK của trình duyệt web dùng để

letter. text

letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 83: Khi bạn truy cập một địa chỉ website, trên thanh địa chỉ của trình duyệt có "https" và ký hiệu "khóa". Điều này có nghĩa:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 84: Máy tính đang kết nối Internet, sử dụng siêu liên kết (Hyperlink) sẽ cho phép người dùng liên kết đến:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 85: Đâu không phải là ưu điểm của việc đánh dấu (bookmark) một trang web?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 86: Nút FORWARD của trình duyệt web dùng để

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 87: Đối với một biểu mẫu khảo sát trên Internet, nút bấm (radio button):

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 88: Nút HOME của trình duyệt web Internet Explorer dùng để:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 89: Trình duyệt web (web browser) là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 90: Trong ổ đĩa (E:) có thư mục BAITAP, trong đó có hai thư mục con là WORD và Excel. Trong thư mục WORD có 2 tập tin là word-1.docx và word-2.docx. Trong thư mục Excel có 2 tập tin là excel-1.xlsx và excel-2.xlsx. Khi ta đang mở tập tin excel-1.xlsx thì không thể thực hiện thao tác nào sau đây?

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 91: Trong ổ đĩa (E:) có thư mục BAITAP, trong đó có hai thư mục con là WORD và Excel. Trong thư mục WORD có 2 tập tin là word-1.docx và word-2.docx. Trong thư mục Excel có 2 tập tin là excel- 1.xlsx và excel-2.xlsx. Khi ta đang mở tập tin excel-1.xlsx thì có thể thực hiện thao tác nào sau đây?

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 92: Chọn phát biểu SAI khi nói về bo mạch chủ (mainboard) trong máy tính.

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 93: Chọn phát biểu SAI:

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 94: Câu phát biểu nào sau đây sai:

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 95: Chọn phát biểu Sai khi nói về bộ mạch chủ (mainboard) trong máy tính:

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 96: Chọn phát biểu không đúng về PC.

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 97: Chọn phát biểu không đúng về Desktop

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 98: Chọn phát biểu SAI:

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 99: Phát biểu nào sau đây sai

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 100: Phát biểu nào sau đây không đúng?

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 101: Chọn biểu thức đúng:

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 102: Ký hiệu nào sau đây không thể dùng để đặt cho tên tập tin?

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 103: Ký hiệu nào sau đây có thể dùng để đặt tên cho tập tập tin?

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 104: Ký hiệu nào sau đây có thể dùng để đặt tên cho tập tin?

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 105: Chọn phát biểu đúng khi nói về CPU

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 106: Chọn phát biểu ĐÚNG khi nói về trình duyệt.

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 107: Chọn phát biểu đúng về máy tính xách tay.

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 108: Chọn phát biểu ĐÚNG:

- letter. text
- letter. text
- letter. text
- letter. text

Câu 109: Chọn phát biểu đúng khi nói về đĩa cứng.

- letter. text
- letter. text
- letter. text

letter. text

Câu 110: Chọn phát biểu đúng về máy tính cá nhân.

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 111: Chọn phát biểu đúng về sự khác nhau giữa mobilephone và smartphone?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 112: Chọn phát biểu đúng về máy tính để bàn.

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 113: Tổ hợp phím dùng để SAO CHÉP tập tin:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 114: Tổ hợp phím dùng để CẮT tập tin:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 115: Tổ hợp phím dùng để DÁN tập tin:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 116: Tổ hợp phím dùng để LƯU tập tin:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 117: Tổ hợp phím để chuyển sang dạng chữ IN NGHIÊNG là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 118: Tổ hợp phím để chuyển sang dạng chữ IN ĐẬM là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 119: Tổ hợp phím thay thế cho việc dùng lệnh Home/Clipboard/Cut là:

letter. text

letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 120: Tổ hợp phím nào dưới đây dùng để mở dữ liệu:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 121: Tổ hợp phím nào dưới đây tạo mới một bảng tính:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 122: Tổ hợp phím Shift +F3 thay thế cho việc dùng lệnh:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 123: Trong trình duyệt Chrome, để mở một tab mới ta sử dụng tổ hợp phím

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 124: Trong khi làm việc với MS Word, tổ hợp phím tắt nào cho phép chọn tất cả văn bản đang soạn thảo:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 125: Khi đang soạn thảo văn bản Word, muốn phục hồi thao tác vừa thực hiện thì bấm tổ hợp

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 126: Để canh lề TRÁI cho văn bản, ta nhấn tổ hợp phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 127: Để canh lề GIỮA cho văn bản, ta nhấn tổ hợp phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 128: Để canh lề PHẢI cho văn bản, ta nhấn tổ hợp phím

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 129: Để hiển thị hộp thoại FONT, ta nhấn tổ hợp phím:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 130: Để tăng kích cỡ sau khi bôi đen đoạn văn bản, ta chọn

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 131: Để giảm kích cỡ sau khi bôi đen đoạn văn bản, ta chọn

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 132: Để tạo số I, II, III, đầu dòng ta dùng lệnh:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 133: Để chọn hướng in (dọc/ ngang)

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 134: Để in chỉ duy nhất slide hiện hành trong Print/Setting ta chọn

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 135: Để thay đổi màn hình nền, trong Control Panel ta chọn

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 136: Sau khi đã chọn một đoạn văn bản, cách nào sau đây không phải để làm mất đi đoạn văn bản đó

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 137: Lệnh Home/Paragraph/Line spacing dùng để:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 138: Lệnh Layout/Merge/Split Cells dùng để:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 139: Thay đổi hình của một shortcut, ta sẽ thực hiện.

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 140: Lệnh References/Footnotes/Insert Footnote sẽ vào văn bản

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 141: Trong khi soạn thảo văn bản, nếu kết thúc 1 đoạn (Paragraph) và muốn sang 1 đoạn mới

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 142: Thao tác nhấp chuột trái 3 lần vào lề trái của văn bản có tác dụng:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 143: Dữ liệu nhập trong ô ở dạng nào khi nhập hợp lệ sẽ tự động canh lề phải trong ô đó:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 144: Trong MS Word, để di chuyển con trỏ về cuối tài liệu nhấn

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 145: Trong MS Word, khi cần gõ các chỉ số trên ( $x^2$ , an, cm<sup>3</sup>...) thì sử dụng phím tắt nào:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 146: Trong MS Word, khi cần gõ các chỉ số dưới ( $x_2$ , an, H<sub>2</sub>O,...) thì ta sử dụng phím tắt:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text



Câu 147: Trong MS Word, để chọn cùng lúc được nhiều hình ta phải giữ thêm phím nào trong khi chọn

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 148: Trong MS Word, để chèn một biểu đồ vào văn bản, ta dùng lệnh:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 149: Trong MS Word, để chèn hình ảnh từ bên ngoài vào văn bản ta dùng lệnh nào

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 150: Trong MS Word, để soạn thảo một công thức toán học phức tạp, ta thường dùng công cụ

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 151: Trong MS Word, để đưa con trỏ về đầu / cuối dòng tài liệu, ta chọn gõ phím

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 152: Trong MS Word, khi cần gõ các chỉ số trên ( $x^2$ ,  $a^o$ ,  $cm^3$  ....) thì sử dụng phím tắt nào

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 153: Trong MS Word, để soạn thảo đúng tiếng việt khi sử dụng bảng mã Unicode thì phải chọn font (kiểu chữ)

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 154: Trong MS Word, để đặt lề giấy cho văn bản đang soạn thảo, ta chọn

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 155: Trong MS Word đang mở, nếu ta muốn thay tất cả những chữ "CN" thành chữ "CHỦ NGHĨA" thì ta dùng lệnh gì

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 156: Trong MS Word, để đánh số trang ở lề trên của tài liệu ta dùng lệnh

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 157: Trong MS Word, để mở một tài liệu đã được soạn thảo trong MS Word

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 158: Trong MS Word, để thuận tiện hơn trong khi lựa chọn kích thước lề trái, lề phải,... ta có thể khai báo đơn vị đo

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 159: Trong chế độ tạo bảng (Table) của MS Word, muốn tách một ô thành nhiều ô, ta thực hiện:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 160: Để ẩn hiện thanh thước ngang, thước dọc trong MS Word ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 161: Trong MS Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl - H là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 162: Khi thao tác trong MS Word, thông báo "The file ... already exist" xuất hiện khi nào:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 163: Làm thế nào để thêm một font chữ mới trong Microsoft Word.

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 164: Một văn bản được soạn thảo trong chương trình MS Word gọi là gì?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 165: Trong khi đang soạn thảo văn bản MS Word, tổ hợp phím Ctrl + V thường được sử dụng để

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 166: Khi đang soạn thảo MS Word, muốn đánh dấu lựa chọn một từ, ta thực hiện:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 167: Trong chế độ tạo bảng (Table) của MS Word, để gộp nhiều ô thành một ô, ta thực các ô cần gộp, rồi chọn menu lệnh

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 168: Khi soạn thảo văn bản trong MS Word, muốn di chuyển từ 1 ô này sang ô kế tiếp về bên phải của một bảng (Table) ta bấm phím:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 169: Khi soạn thảo văn bản, để khai báo thời gian tự lưu văn bản, ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 170: Trong Windows, để thiết đặt lại hệ thống, ta chọn chức năng:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 171: Trong Windows, phím tắt nào giúp bạn truy cập nhanh menu Start để có thể Shutdown máy:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 172: Trong Windows, muốn cài đặt máy in, ta thực hiện

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 173: Trong Windows 7, để di chuyển qua lại giữa các chương trình đang mở song song ta dùng phím:

letter. text

letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 174: Trong Windows, khi xóa file hoặc folder thì nó được lưu trong Recycle Bin, muốn xóa hẳn file hoặc folder ta bấm tổ hợp phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 175: Trong Windows, ta có thể chạy.....

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 176: Trong Windows Explorer, theo bạn tiêu chí nào sau đây không thể dùng để sắp xếp các tệp vào thư mục

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 177: Trong Windows, để gỡ bỏ một phần mềm ứng dụng:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 178: Trong Window, muốn thay đổi hình nền desktop, ta thực hiện

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 179: Trong windows, ở cửa sổ Explore, để chọn một lúc các file hoặc folder nằm liền kề nhau trong một danh sách:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 180: Trong Window, ở cửa sổ Explore, để chọn một lúc các file hoặc folder nằm liền kề nhau trong một danh sách:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 181: Trong windows, ở cửa sổ Explore, để chọn một lúc các file hoặc folder nằm không kề nhau trong một danh sách:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 182: Trong hệ điều hành Windows, phím tắt để đổi tên tập tin, thư mục là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 183: Trong hệ điều hành Windows, để xem thông tin hệ thống máy tính. Ta có thể sử dụng phím tắt:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 184: Để mở hộp thoại Run trong Windows ta dùng tổ hợp phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 185: Chương trình nào của Windows quản lí các file và folder:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 186: Trong hệ điều hành Windows, để kích hoạt bàn phím ảo ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 187: Trong hệ điều hành Windows, sau khi mở hộp thoại Run ta nhập "osk" và nhấn Enter thì:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 188: Trong hệ điều hành Windows, để tắt một ứng dụng bị treo (non-responding). Ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 189: Khi tạo mật khẩu người dùng trong Windows, nội dung ta cần nhập mục "Type a password hint" là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 190: Khi đang sử dụng Windows, để lưu nội dung màn hình vào bộ nhớ - ta sử dụng các phím nào:

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 191: Khi đang làm việc với Windows, muốn xem tổ chức các file và folder trên đĩa, ta có thể sử dụng

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 192: Trên màn hình nền Windows, thanh công cụ có chứa nút lệnh START được gọi là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 193: Thao tác nào sau đây không dùng để mở Task Manager trong Windows?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 194: Để cài đặt có hiển thị hay không các tập tin ẩn trong Window, ta thao tác:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 195: Từ menu Start Windows, gõ CMD vào hộp thoại Run rồi chọn OK, điều gì sẽ xảy ra:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 196: Để hiển thị phần đuôi mở rộng của một tập tin trong Window, ta thực hiện

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 197: Số slide tối đa có thể in trên một mặt giấy trong Powerpoint là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 198: Trong Print/Setting/Handouts ta có thể chọn số slide sẽ in trên một mặt giấy. Lựa chọn nào sau đây không xuất hiện trong các tùy chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 199: Đang thiết kế trình chiếu, trước khi thoát khỏi PowerPoint, nếu người sử dụng chưa lưu lại tập tin thì máy sẽ hiện một thông báo. Để lưu lại tập tin này ta sẽ kích chuột trái vào nút nào trong bảng thông báo này

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 200: Đang trình chiếu một bài thuyết trình, muốn dừng thuyết trình ta nhấn phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 201: Để đưa một đối tượng vẽ lên lớp trên, ta chọn

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 202: Để ẩn một đối tượng vẽ xuống phía sau một đối tượng vẽ khác, ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 203: Để bắt đầu trình chiếu từ slide hiện tại, ta bấm:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 204: Để đóng phần mềm trình chiếu Microsoft Powerpoint, ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 205: Để thực hiện việc chèn bảng biểu vào slide ta phải

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 206: Để ghép các đối tượng vẽ (shape) trong một slide, sau khi chọn các đối tượng cần ghép trong Format/Arrange ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 207: Để thay đổi hướng trang thuyết trình, trong Design ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 208: Để tạo bóng với đối tượng vẽ (shape), ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 209: Để trình diễn một Slide trong PowerPoint, ta bấm:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 210: Để ghép các đối tượng vẽ (Shape) trong một slide, sau khi chọn các đối tượng cần ghép trong Format/ Arrange ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 211: Để in hết các slide trong một bài thuyết trình trong Print/Setting ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 212: Để hiện một đối tượng vẽ hiện lên trước một đối tượng vẽ khác, ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 213: Để tạo một slide giống hệt như slide hiện hành mà không phải thiết kế lại, người sử dụng

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 214: Trong Ms.Powerpoint, để thay đổi hình nền bằng hình ảnh lưu trữ ở ổ cứng, trong Format Background ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 215: Trong Ms.Powerpoint, để tô màu nền bằng một màu duy nhất, trong Format Background

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 216: Trong Microsoft PowerPoint, tổ hợp phím Ctrl+N sẽ:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 217: Trong khi thiết kế giáo án điện tử, thực hiện thao tác chọn Insert/New Slide là để:

letter. text



letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 218: Trong MS PowerPoint, thao tác chọn File -> Open là để:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 219: Trong Ms.Powerpoint, để tô màu nền bằng các mẫu (sọc, lưới, chấm bi,...), trong Format Background ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 220: Trong Ms.Powerpoint, để tô màu nền chuyển sắc, trong Format Background ta chọn

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 221: Trong Microsoft PowerPoint, muốn tạo một slide mới, ta dùng tổ hợp phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 222: Khi ghép hai đối tượng vẽ (shape) trong Microsoft Powerpoint, để lấy hai đối tượng và cả phần giao (nếu có), ta chọn kiểu ghép:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 223: Khi đang làm việc với MS PowerPoint, muốn xóa bỏ một Slide, ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 224: Khi ghép hai đối tượng vẽ (shape) trong Microsoft Powerpoint, để chỉ lấy phần giao nhau của cả hai đối tượng, ta chọn kiểu ghép

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 225: Khi đang làm việc với MS PowerPoint, muốn thiết lập hiệu ứng cho văn bản, hình ảnh,... ta là thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 226: Sau khi đã chọn một số slide trong ngăn Outline, để in các slide đã chọn trong Print/Setting ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 227: Sau khi chọn một đối tượng đồ họa trong MS Powerpoint, để lật dọc đối tượng đã chọn ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 228: Muốn thiết lập một trang thuyết trình chủ, ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 229: Muốn mở một tập tin đã tồn tại trên đĩa, sau khi khởi động PowerPoint ta nhấn tổ hợp phím:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 230: Một trang thuyết trình trong Microsoft Powerpoint được gọi là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 231: Một tập tin thuyết trình trong Microsoft Powerpoint được gọi là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 232: Cách nào sau đây không làm thay đổi kích thước một đối tượng đồ họa trong Ms. Powerpoint

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 233: Các kiểu hiển thị trong nhóm Master Views

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 234: Các cách hiển thị (view) có trong nhóm Presentation Views của Ms Powerpoint 2013 là:

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 235: Các nhóm hiệu ứng động (animation) trong Microsoft PowerPoint:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 236: Phần mềm nào sau đây là phần mềm trình chiếu?

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 237: Đối với trang thuyết trình trong MS Powerpoint:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 238: Trong bảng tính Excel, giao của một hàng và một cột được gọi là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 239: Trong bảng tính MS Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số không (0); Tại ô B2 gõ vào công thức  $=5/A2$  thì nhận được kết quả:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 240: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số 10. Tại ô B2 gõ vào công thức  $=PRODUCT(A2,5)$  thì nhận được kết quả:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 241: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số 25. Tại ô B2 gõ vào công thức  $=SQRT(A2)$  thì nhận được kết quả:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 242: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi "Tin học"; ô B2 có giá trị số 2008. Tại ô C2 gõ vào công thức  $=A2+B2$  thì nhận được kết quả:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 243: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi TINHOC; Tại ô B2 gõ vào công thức  $=VALUE(A2)$  thì nhận được kết quả

letter. text

letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 244: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn dữ liệu là dãy ký tự "Tin học văn phòng"; Tại ô B2 gõ vào công thức =LOWER(A2) thì nhận được kết quả:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 245: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn dữ liệu là dãy ký tự "Tin học văn phòng"; Tại ô B2 gõ vào công thức =PROPER(A2) thì nhận được kết quả:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 246: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi 2008; Tại ô B2 gõ vào công thức =VALUE(A2) thì nhận được kết quả:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 247: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số 2008. Tại ô B2 gõ vào công thức =LEN(A2) thì nhận được kết quả:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 248: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi 2008; Tại ô B2 gõ vào công thức =VALUE(A2) thì nhận được kết quả:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 249: Trong bảng tính Excel, hàm nào sau đây cho phép tính tổng các giá trị kiểu số thỏa mãn một điều kiện cho trước

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 250: Trong bảng tính Excel, muốn sắp xếp danh sách dữ liệu theo thứ tự tăng (giảm), ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 251: Trong các dạng địa chỉ sau đây, địa chỉ nào là địa chỉ tuyệt đối:

letter. text  
letter. text  
letter. text

letter. text

Câu 252: Trong bảng tính Excel, khối ô là tập hợp nhiều ô kề cận tạo thành hình chữ nhật, Địa chỉ khối ô được thể hiện như câu nào sau đây là đúng:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 253: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 gõ vào công thức-MAX(30,10,65,5) thì nhận được kết quả tại ô A2 là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 254: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 gõ vào công thức =IF(3>5,100,IF(5<6,200,300)) thì kết quả nhận được tại ô A2 là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 255: Trong bảng tính Excel, để di chuyển ô hiện hành qua phải một màn hình ta chọn:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 256: Trong bảng tính MS Excel, công thức =IF(AND(A3= "TP"; B3>500); "Đạt"; "Không Đạt") sẽ cho kết quả gì khi giá trị trong ô A3 là "TP" và giá trị trong ô B3 là 450:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 257: Trong bảng tính Excel, điều kiện trong hàm IF được phát biểu dưới dạng một phép so sánh. Khi cần so sánh khác nhau thì sử dụng kí hiệu:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 258: Trong bảng tính Excel, để lọc dữ liệu tự động, sau khi chọn khối cần lọc, ta thực hiện:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text

Câu 259: Trong bảng tính Excel, để sửa dữ liệu trong một ô tính mà không cần nhập lại, ta thực hiện:

letter. text

letter. text

letter. text  
letter. text

Câu 260: Trong EXCEL muốn xếp hạng ta dùng Hàm:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 261: Trong khi làm việc với MS Excel, muốn lưu bảng tính hiện thời vào đĩa, ta thực hiện:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 262: Trong công thức của Excel, thay vì sử dụng địa chỉ của một vùng thì ta có thể sử dụng tên diện cho vùng đó. Để thực hiện định nghĩa tên cho một vùng thì sau khi chọn vùng ta chọn:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 263: Khi nhập giá trị  $3 + 4$  vào ô A3 của Sheet1 trong MS Excel rồi Enter thì nội dung trên ô A3 là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 264: Khi đang làm việc với MS Excel, tổ hợp phím nào cho phép ngay lập tức đưa con trỏ về ô đầu tiên (ô A1) của bảng tính:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 265: Khi nhập giá trị ngày 21/08/2015 mà MS Excel không tự động canh phải nội dung thì trường hợp này có nghĩa là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 266: Tập hợp các bảng tính trong một file Excel được gọi là gì:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 267: Một tập tin (File) Microsoft Office Excel 2010 có kiểu là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 268: Ô A6 chứa chuỗi "8765234X", hàm =VALUE(A6) cho kết quả:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 269: A1 chứa giá trị 4, B1 chứa giá trị 36, C1 chứa giá trị 6. Nhập vào D1 công thức: = If(C1>0,sum(A1:B1),0) Cho biết kết quả trong ô D1:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 270: Ô A1 chứa giá trị số là 7, Ô B1 chứa giá trị chuỗi là ABC. Hàm = AND(A1>5, B1="ABC") sẽ cho kết quả là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 271: Để điền thông tin cho cột Thể Loại. Nếu ký tự đầu tiên của mã sách là "T" thì ở cột thể loại ghi giá trị "CS", ngược lại thì ghi giá trị "CN". Công thức nào dưới đây là đúng? Giả sử mã sách nằm ở ô B2 có nội dung là TA02:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 272: Câu nào sau đây sai. Khi nhập dữ liệu vào bảng tính Excel thì:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 273: Học sinh A sinh ngày 3/12/1994 (ô D2). Để biết được em này bao nhiêu tuổi ta dùng công thức:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 274: Nếu thí sinh đạt được 5 điểm trở lên, thí sinh đó được xếp loại đạt, ngược lại thì không đạt. Theo bạn công thức nào thể hiện đúng điều kiện trên( giả sử ô G6 chứa cột điểm thi):

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 275: Giả sử ngày hệ thống của máy tính là: 8/18/2008. Khi đó tại ô A2 gõ vào công thức =Today()-1 thì nhận được kết quả là:

letter. text  
letter. text  
letter. text  
letter. text

Câu 276: Giả sử công thức tại ô F3 là =A5 + Sheet3!G\$4. Sau khi sao chép công thức này từ ô F3 sang ô F4 thì công thức tại ô F4 là:

letter. text

letter. text

letter. text

letter. text